| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 122/2019/DS-PT.
Ngày: 28-6-2019.
V/v Tranh chấp nợ mua bán hụi.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà ***Hoàng Thị Thu Hường;***

Các Thẩm phán: Bà ***Trần Thị Trâm Anh***;

Bà ***Huỳnh Thị Út Mẫn***.

**- *Thư ký phiên tòa***: Ông ***Quách Văn Khánh*** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang***: Ông ***Trương Thanh Triều*** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp nợ mua bán hụi.

Do bản án sơ thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà ***Trần Kim H***, sinh năm: 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Số 146, đường M, khu phố 1, phường P, thành phố H, Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư ***Nguyễn Tấn T*** - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Bùi Thị Ánh N**, sinh năm: 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thành phố H, Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư ***Đoàn Công T*** - Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà ***Tiền Thị Bích L***, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 04, đường P, khu phố 2, phường B, thành phố H, Kiên Giang.

2/. Bà ***Trần Thị H1***, sinh năm: 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Số 93, đường T, khu phố 2, phường P, thành phố H, Kiên Giang.

3/. Ông ***Tiền Thanh D***, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thành phố H, Kiên Giang.

**-** *Người kháng cáo:* Bị đơn Bùi Thị Ánh N.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Nguyên đơn bà Trần Kim H trình bày:**

Bà Tiền Thị Bích L (tên gọi khác là Đ) làm chủ 01 dây hụi với 65 đầu hụi, loại hụi 10.000.000 đồng/tháng, hụi sổ lần đầu vào ngày 12/01/2016 âm lịch. Ngày 12/7/2016 âm lịch thì hụi sổ được 07 lần.

Đến ngày 13/8/2016 âm lịch bà Bùi Thị Ánh N có bán cho bà H 01 đầu hụi trong dây hụi do bà L làm chủ với giá 470.200.000 đồng, có làm giấy xác nhận đã nhận đủ tiền mua hụi giữa bà H với bà N, bà L cũng biết sự việc mua bán hụi này. Thời điểm bà H mua hụi còn lại là 58 đầu hụi sống, bà H mua với giá 6.900.000 đồng/đầu hụi bằng số tiền là 400.200.000 đồng, cộng với số tiền hụi của 07 đầu đã hốt là 70.000.000 đồng, tổng số tiền bà H đã giao cho bà N là 470.200.000 đồng.

Đến ngày 12/11/2017 âm lịch thì hụi xạ (bể hụi), bà L tuyên bố không tiếp tục dây hụi nữa, lúc này được 23 lần hụi chết (do trong năm 2017 âm lịch có nhuần 02 lần tháng 6). Từ khi bà H mua hụi của bà N đến khi hụi xạ, thì hàng tháng chủ hụi là bà L người trực tiếp giao cho bà H số tiền lãi chênh lệch của 16 lần hụi chết là 61.300.000 đồng, cộng với 10.000.000 đồng sau khi hụi xạ bà N có đưa cho bà H, tổng cộng số tiền lãi từ khi hụi chết là 71.300.000 đồng. Sau khi hụi xạ, bà L có xin nợ 02 phần hụi chết sẽ trả sau, còn lại 21 đầu hụi chết chia cho 42 đầu hụi sống, mỗi người được nhận số tiền là 5.000.000 đồng mỗi tháng. Từ khi hụi xạ đến nay, bà H cũng không nhận được bất cứ số tiền nào khác từ bà N và bà L.

Bà H yêu cầu bà Bùi Thị Ánh N trả lại cho bà số tiền mua hụi tính từ ngày mua hụi 13/9/2016 dương lịch đến ngày 21/12/2018 gồm vốn gốc 470.200.000 đồng, tiền lãi trên số tiền hụi gốc tính đến nay là 470.200.000 đồng x 1,6% x 26 tháng = 195.603.200 đồng, khấu trừ tiền lãi hụi đã nhận 71.300.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi 594.503.200 đồng. Bà H cho rằng việc mua bán hụi giữa bà với bà N không liên quan đến chồng bà N là ông Tiền Thanh D nên không yêu cầu ông D cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán nợ.

**- Bị đơn bà Bùi Thị Ánh N trình bày:**

Dây hụi 10.000.000 đồng có 65 phần hụi, mở ngày 12/01/2016 âm lịch do bà Tiền Thị Bích L làm chủ, bà N không có tham gia phần hụi nào trong dây hụi này. Do bà cũng làm chủ hụi nên biết việc bà Trần Thị H1 cần bán hụi và bà H có nhu cầu mua hụi nên bà N đứng ra làm trung gian, thay mặt bà H1 bán cho bà Trần Kim H 01 phần hụi như bà H trình bày. Khi thỏa thuận bán hụi, bà N có nói rõ là bán giùm cho bà H1 và bà H đồng ý. Tuy nhiên, các bên không có làm văn bản thỏa thuận với nhau về việc bà N bán hụi của bà H1.

Sau khi nhận tiền của bà H, bà N trực tiếp giao toàn bộ số tiền 470.200.000 đồng cho bà H1, bà không làm biên nhận và sau đó không nhận bất

cứ khoản tiền lãi nào từ bà H1. Việc mua bán hụi chỉ có bà N với bà H gặp nhau thỏa thuận và giao tiền, không có sự chứng kiến của bà H1, bà L. Khi hụi xạ bà N có dùng tiền của mình để trả cho bà H được 10.000.000 đồng, bà cũng thống nhất với số tiền lãi mà bà H khai nhận được trong các kỳ hụi 71.300.000 đồng. Việc thỏa thuận giao nhận tiền cụ thể giữa bà L, bà H, bà H1 thì bà N không được rõ. Vì trách nhiệm là người đứng ra bán hụi và nhận tiền từ bà H nên khi bà L xạ hụi bà N đồng ý trả lại tiền mua hụi cho bà H với điều kiện khi lấy lại được tiền từ bà H1, vì thực tế bà H1 thừa nhận số nợ này đối với bà.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà trả tiền nợ hụi là không có căn cứ, vì bà chỉ bán hụi giùm cho bà H1. Tuy nhiên hiện nay do bà H1 nợ rất nhiều không còn khả năng chi trả, tài sản đã bán hết nên không còn khả năng thanh toán cho bà và bà cũng chưa khởi kiện bà H1. Do đó, bà không đồng ý trả tiền nợ hụi theo yêu cầu của bà H.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**Bà Tiền Thị Bích L trình bày:**

Bà L có mở 01 dây hụi như nguyên đơn trình bày, bà H tham gia 03 đầu, bà H1 tham gia 04 đầu, bà N không tham gia. Bà L không biết việc mua bán hụi giữa bà H với bà N cụ thể thế nào. Mỗi tháng bà L có đưa tiền lãi hụi cho bà H, vì hụi viên trong dây hụi này là bà H1 có nhờ bà L đưa tiền lãi giùm đến ngày 12/10/2017 âm lịch. Số tiền hàng tháng đưa bao nhiêu thì bà L không nhớ nhưng có ghi trong sổ hụi. Đến ngày 12/11/2017 âm lịch, do bà H1 đi khỏi địa phương không đóng hụi chết nên bà L xin ngừng hụi, lúc này đã có 23 đầu hụi hốt xong. Bà L thỏa thuận với các hụi viên do bà Trần Thị N có xin nợ lại 02 đầu vì chưa có điều kiện chi trả và được mọi người đồng ý, bà L sẽ lấy tiền của 21 đầu hụi đã hốt trước đó trả lại dần cho 42 lần chưa hốt. Việc bà L không tiếp tục đưa tiền lãi hụi mỗi tháng cho bà H là vì bà H1 không đóng hụi nữa.

**Bà Trần Thị H1 trình bày:**

Ngày 12/01/2016 âm lịch, bà H1 có tham gia 04 đầu hụi như bà L trình bày. Bà H1 có nhờ bà N vợ ông D (là cháu dâu) bán giùm cho bà H1 02 đầu hụi và nhờ chủ hụi là bà L bán giùm cho bà H1 02 đầu hụi. Bà H1 không nhớ khi bán thì còn bao nhiêu đầu hụi sống, bà H1 cũng không biết bà N và bà L bán hụi cho ai. Sau khi bà H kiện bà N, bà nhận được thông báo của Tòa án thì bà mới biết bà N bán hụi của bà cho bà H với số tiền 470.200.000 đồng. Bà H1 thừa nhận có nhận từ bà N số tiền bán hụi là 470.200.000 đồng vào ngày 13/9/2016 dương lịch, bà H1 và bà N không có làm giấy tờ gì về việc giao nhận tiền.

Việc bà N bán hụi cho bà H thì giữa bà H1, bà H và bà N không có gặp mặt nhau để thỏa thuận. Sau khi nhận tiền từ bà N thì bà H1 có đóng lại hụi chết cho chủ hụi là bà L, mỗi lần là 10.000.000 đồng nhưng đóng bao nhiêu bà không nhớ rõ, còn việc bà L nhận tiền của bà sau đó có chi trả tiền lãi lại cho bà H và hụi viên khác thế nào thì bà không biết. Sau đó bà L tuyên bố xạ hụi, nên bà H1

không tiếp tục đóng nữa. Bà H1 chỉ biết đóng hụi chết cho bà L còn việc giao nhận tiền giữa bà L với bà H như thế nào bà H1 không biết. Bà thống nhất theo thừa nhận của bà H về tiền lãi đã nhận từ bà là 61.300.000 đồng, từ bà N 10.000.000 đồng. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Ông Tiền Thành D trình bày:**

Ông hoàn toàn không biết việc mua bán hụi giữa vợ ông là bà N với bà H.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Bùi Thị Ánh N trả cho bà Trần Kim H 500.369.160 đồng.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim H đối với tiền lãi 94.134.040 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, lãi suất chậm thanh toán và báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

**Đến ngày 05/01/2019 bị đơn bà Bùi Thị Ánh N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:**

Việc bán hụi giùm và giao dịch giữa chủ hụi với bà H, bà H1 chủ hụi cũng thừa nhận. Bà không có bảo lãnh trả thay cho bà H1 hay cho chủ hụi đối với đầu hụi bà bán giùm. Tòa án buộc bà trả cho bà H số tiền 500.369.160 đồng là không đúng giao dịch thực tế, gây thiệt hại quyền lợi của bà. Nên bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

**- Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ vay tài sản là không đúng bản chất của vụ án, chưa xem xét toàn diện đối với quan hệ chơi hụi giữa các chủ thể, nên gây thiệt hại quyền lợi của bị đơn, vì đây là giao dịch mua bán hụi và chuyển giao nghĩa vụ đã hoàn thành về mặt hành vi, bà H nhận tiền lãi từ chủ hụi, nên đã phát sinh trách nhiệm của chủ hụi và hụi viên, nên khi dây hụi này bị bể thì bà H có quyền yêu cầu chủ hụi trả lại số tiền hụi đã nhận.

Việc mua bán hụi đã hoàn thành, nên bà N không còn trách nhiệm gì với bà H vì bà N chỉ là người bám giùm cho bà H1, không được lợi ích gì từ việc mua bán hụi giùm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bà N, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà N thừa nhận có nhận tiền mua bán hụi từ bà H và bà H căn cứ vào giấy xác nhận việc mua bán hụi ngày 13/9/2016 để khởi kiện bà N là đúng pháp luật. Do phần hụi của bà H1 do bà N bán cho bà H chưa chuyển tên sang bà H nên bà H không

có căn cứ kiện chủ hụi như trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Bà Trần Kim H căn cứ vào giấy xác nhận mua bán hụi ngày 13/9/2016 để yêu cầu bà Bùi Thị Ánh N trả số tiền 470.200.000 đồng là có cơ sở. Sau khi hụi bể bà N không trả lại số tiền này nên yêu cầu tính lãi của bà H là phù hợp quy định pháp luật, nên kháng cáo của bà N không đồng ý trả số tiền này là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N. Tuy nhiên, cần sửa án sơ thẩm trong việc áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất trong từng giai đoạn có hiệu lực của Bộ luật Dân sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về tố tụng**: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiền Thị Bích L và ông Tiền Thanh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông D theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

**[2].Về nội dung:** Xét kháng cáo của bà Bùi Thị Ánh N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim H, thấy rằng:

Ngày 12/01/2016 âm lịch, bà Tiền Thị Bích L mở dây hụi 10.000.000 đồng/tháng do bà L làm chủ, có 65 phần hụi, bà Trần Thị H1 tham gia 04 phần, Bà Bùi Thị Ánh N không tham gia. Đến ngày 13/8/2016, bà N bán giùm bà H1 01 phần hụi cho bà Trần Kim H với giá 470.200.000 đồng (7 lần hụi chết = 70.000.000 đồng và 58 lần hụi sống x 6.900.000 đồng/tháng = 400.200.000 đồng). Bà H1 thừa nhận đã nhận đủ tiền bán hụi từ bà N và nhờ chủ hụi bà L trả lãi cho bà H từ ngày bán hụi đến bể hụi ngày 12/11/2017 được 61.300.000 đồng, bà N trả cho bà H 10.000.000 đồng. Nội dung nêu trên bà N và bà H1 đều thống nhất thừa nhận, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Xét giao dịch mua bán hụi giùm giữa bà N và bà H1 thấy rằng: Khi bà N thực hiện việc mua bán hụi ngày 13/8/2016 và nhận đủ tiền từ bà H, nhưng bà N và bà H1 lại không liên hệ chủ hụi để thực hiện việc chuyển giao phần hụi và thay đổi tên thành viên tham gia trong sổ hụi từ bà H1 sang bà H (đối với phần

hụi đã bán), là vi phạm nghĩa vụ đối với việc chuyển giao phần hụi theo quy định tại Điều 8 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Nên bà H chưa phải là thành viên đối với phần hụi đã mua trong dây hụi tháng 10.000.000 đồng do bà L làm chủ, nên chưa phát sinh quyền và nghĩa vụ của thành viên tham gia theo quy định tại Điều 13, 14 Nghị định 144 nêu trên. Khi bà H1 ngưng đóng các phần hụi thì chủ hụi tuyên bố bể hụi, dẫn đến bà H không nhận được tiền lãi từ việc mua bán hụi, nên trách nhiệm thuộc về người bán là bà N theo Giấy xác nhận mua bán hụi ngày 13/9/2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N xác định trước đây bà có làm đơn khởi kiện để yêu cầu bà H1 trả lại cho bà số tiền bà H1 đã nhận trong giao dịch mua bán hụi nêu trên, để bà trả lại cho bà H, nhưng trong quá trình khởi kiện bà đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với bà H1. Như vậy, điều này thể hiện bà N cũng đã biết được trách nhiệm của mình trong giao dịch mua bán hụi, nên bà N phải có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận từ bà H.

Đối với yêu cầu tính lãi xét thấy, việc mua bán hụi thực hiện từ ngày 13/9/20216 đến khi bể hụi ngày 12/11/2017 bà H đã nhận được tiền lãi của 16 lần mở hụi là 61.300.000 đồng (BL10). Khi bể hụi bà N cũng không trả lại tiền mua bán hụi cho bà H. Do đó, yêu cầu tính lãi trên số tiền mua bán hụi của bà H là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 xác định giao dịch nêu trên là vay tài sản và áp dụng lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là chưa phù hợp tính chất của vụ án. Vì đây là giao dịch chuyển giao phần hụi theo quy định tại Điều 8 Nghị định 144, nên áp dụng Điều 10 Nghị định 144 dẫn chiếu đến Bộ luật Dân sự để tính lãi suất. Đến mỗi kỳ mở hụi, bà H sẽ nhận tiền lãi khác nhau do thành viên lĩnh hụi trả thông qua phần hụi sống của bà H1 đã được bà N bán cho bà H, nên thỏa thuận chuyển giao phần hụi thuộc trường hợp không xác định rõ lãi suất, do đó áp dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất cho từng giai đoạn có hiệu lực của Bộ luật Dân sự là phù hợp quy định pháp luật. Nên cấp phúc thẩm điều chỉnh việc tính lãi như sau:

Bà H yêu cầu tính lãi từ ngày mua hụi 13/9/2016 dương lịch đến ngày 21/12/2018 là hơn 26 tháng, nhưng chỉ yêu cầu đủ 26 tháng là có lợi cho bà N nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 13/9/2016 đến ngày 30/12/2016 trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực (03 tháng 17 ngày) áp dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 lãi suất được tính là lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước là 0,75%/tháng, tiền lãi được tính là:

*470.200.000 đồng x 0,75% x 03 tháng 17 ngày = 12.577.850 đồng.*

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 21/12/2018 (22 tháng 21 ngày, nhưng bà H yêu cầu tính tổng thời gian đủ 26 tháng nên còn lại 22 tháng 13 ngày) áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 lãi suất được tính là 10%/năm (50% của lãi suất giới hạn 20%/năm) bằng 0,83%/tháng, tiền lãi được tính là:

*470.200.000 đồng x 0,83% x 22 tháng 13 ngày = 87.549.672 đồng.*

Tổng tiền lãi 12.577.850 đồng + 87.549.672 đồng = 100.127.522 đồng.

Khấu trừ vào số tiền lãi bà H đã nhận 71.300.000 đồng (100.127.522 đồng - 71.300.000 đồng), còn lại 28.827.522 đồng.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ của bên chuyển giao phần hụi nên bà N có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận từ bà H 470.200.000 đồng và tiền lãi còn lại sau khi đã được khấu trừ là 28.827.522 đồng, tổng cộng = 499.027.522 đồng.

Do đó, toàn bộ nội dung kháng cáo của bà N là không có căn cứ chấp nhận như nhận định nêu trên.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Bùi Thị Ánh N cũng như ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Chấp nhận một phần ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

**[3].** Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc bà Bùi Thị Ánh N nộp án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ thanh toán (499.027.522 đồng) là 23.961.100 đồng (20.000.000 đồng + 4% x 99.027.522 đồng).

Bà Trần Kim H phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận về tiền lãi là (195.603.200 đồng - 100.127.522 đồng) 95.475.678 đồng x 5% = 4.773.783 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.687.000 đồng. Bà H được nhận lại 7.913.217 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên bà Bùi Thị Ánh N không phải nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 476, Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005;

Khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 8, Điều 10 Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Bùi Thị Ánh N.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

**Xử:**

**[1].** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim H.

**[2].** Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Kim H đối với tiền lãi 95.475.678 đồng.

**[3].** Buộc bà Bùi Thị Ánh N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Kim H số tiền 499.027.522 *(Bốn trăm chín mươi chín triệu không trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi hai)* đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**[4]**. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Bùi Thị Ánh N nộp án phí có giá ngạch là 23.961.100 *(hai mươi ba triệu chín trăm sáu mươi một nghìn một trăm)* đồng.

Bà Trần Kim H phải chịu án phí có giá ngạch là 4.773.783 (*bốn triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi ba)* đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.687.000 *(mươi hai triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0004513 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Bà Trần Kim H được nhận lại số tiền 7.913.217 (*bảy triệu chín trăm mười ba nghìn hai trăm mười bảy)* đồng.

- Án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên bà Bùi Thị Ánh N không phải nộp án phí phúc thẩm 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng. Bà N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0008830 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (28/6/2019).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**
(Đã ký)

**Hoàng Thị Thu Hường**

***Nơi nhận*:**
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *TAND TP. H;*
- *Chi cục THADS TP. H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*